|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr - BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện kế hoạch triển khai nhiệm vụ xây dựng *“Đề án áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào Việt Nam”* tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019, Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ nội dung Đề án, như sau:

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 (Luật Kế toán 2015) đã giao Bộ Tài chính xây dựng chuẩn mực kế toán trên cơ sở chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, trong đó có đề cập cụ thể đến nguyên tắc kế toán theo giá trị hợp lý, làm cơ sở cho việc ban hành các chuẩn mực kế toán theo thông lệ quốc tế;

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa yêu cầu hoàn thiện chế độ kế toán, kiểm toán và hệ thống báo cáo tài chính (BCTC) phù hợp với chuẩn mực quốc tế;

- Quyết định số 480/QĐ - TTg ngày 18/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030 yêu cầu Bộ Tài chính cập nhật, ban hành bổ sung chuẩn mực kế toán theo hướng phù hợp với các chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS), giảm thiểu sự khác biệt giữa VAS và IFRS; Xây dựng, ban hành, công bố bổ sung các chuẩn mực kế toán còn thiếu so với hệ thống IFRS, đặc biệt là các chuẩn mực kế toán của nền kinh tế thị trường phát triển và gắn liền với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam.

- Báo cáo đánh giá sự tuân thủ chuẩn mực và quy tắc trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán tại Việt Nam (ROSC) do Ngân hàng thế giới (WB) công bố cũng đã đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện khung pháp lý về kế toán, kiểm toán, theo đó Việt Nam nên áp dụng đầy đủ IFRS và các diễn giải liên quan của Ủy ban diễn giải các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRIC) cho các đơn vị có lợi ích công chúng.

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019 quy định một trong những nhiệm vụ giao Bộ Tài chính thực hiện trong năm 2019 là xây dựng *“Đề án áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào Việt Nam”* trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

 - Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *“Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”* trong đó có quy định một trong những giải pháp cơ cấu lại thị trường chứng khoán và bảo hiểm là xây dựng, triển khai Đề án áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế; khuyến khích các doanh nghiệp niêm yết có quy mô lớn thực hiện công bố BCTC theo chuẩn BCTC quốc tế (IFRS).

**II. TÌNH HÌNH ÁP DỤNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM HIỆN NAY**

**1. Tình hình áp dụng Chuẩn mực kế toán tại các quốc gia trên thế giới**

Cùng với xu hướng toàn cầu hóa về hợp tác và phát triển kinh tế, kế toán không còn là vấn đề mang tính nội tại, riêng biệt của từng quốc gia. Vì vậy, để phù hợp với yêu cầu đa dạng của doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư, các quốc gia thường cho phép các doanh nghiệp lựa chọn Chuẩn mực kế toán quốc gia hoặc IFRS khi lập và trình bày BCTC. Theo tài liệu của Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB), tính đến nay đã có 131/143 quốc gia và vùng lãnh thổ (chiếm tỷ lệ 93% các nước được IASB khảo sát) đã tuyên bố về việc cho phép áp dụng IFRS dưới các hình thức khác nhau. Phương pháp áp dụng IFRS tại các quốc gia rất đa dạng, có quốc gia cho phép áp dụng IFRS cả cho BCTC riêng của doanh nghiệp và BCTC hợp nhất của tập đoàn nhưng có quốc gia chỉ cho áp dụng IFRS trên phạm vi BCTC hợp nhất. Với các nước chưa cho phép doanh nghiệp áp dụng IFRS thì cũng đang trong xu thế điều chỉnh hệ thống chuẩn mực kế toán quốc gia để phù hợp và tiệm cận gần hơn với IFRS. Việc cho phép áp dụng IFRS hay không tùy thuộc vào điều kiện phát triển và tình hình thực tế của từng quốc gia, tuy nhiên định hướng chung là áp dụng IFRS cho các đơn vị có lợi ích công chúng, các đơn vị có quy mô lớn còn đối với các đơn vị quy mô nhỏ hoặc không có lợi ích công chúng thì thường áp dụng chuẩn mực kế toán quốc gia, một số ít tự nguyện áp dụng IFRS.

**2. Tình hình áp dụng Chuẩn mực kế toán tại Việt Nam**

Việt Nam là một trong số ít quốc gia chưa áp dụng IFRS cho việc lập và trình bày BCTC. Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2005, Bộ Tài chính đã ban hành 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) trên cơ sở vận dụng có chọn lọc các quy định của chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện nền kinh tế và trình độ quản lý trong nước. Dựa trên VAS, Bộ Tài chính tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng VAS phù hợp với từng loại doanh nghiệp như Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ. Như vậy, hiện nay tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế hoạt động tại Việt Nam đều đang áp dụng VAS cho việc lập và trình bày BCTC. So với giai đoạn chưa có chuẩn mực, VAS được đánh giá là bước tiến lớn trong sự nghiệp cải cách kế toán tại Việt Nam, góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán, góp phần nâng cao tính minh bạch, trung thực của BCTC. VAS tại thời điểm được ban hành đã phản ánh được nhiều giao dịch của nền kinh tế thị trường non trẻ, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân trong giai đoạn đầu những năm 2000, giúp các doanh nghiệp và người làm công tác kế toán đã nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen và tiếp cận dần với công tác kế toán của nền kinh tế thị trường phù hợp với thông lệ quốc tế.

Tuy nhiên, do đã được ban hành cách đây hơn 10 năm, chưa được sửa đổi, bổ sung nên VAS ngày càng bộc lộ nhiều hạn chế, một số nội dung chưa phù hợp với các giao dịch của kinh tế thị trường trong giai đoạn mới, nhất là trong bối cảnh thị trường vốn phát triển mạnh mẽ, xuất hiện nhiều loại công cụ tài chính phức tạp. Hơn nữa, hiện nay Việt Nam mới ban hành được 26 VAS nên còn thiếu rất nhiều chuẩn mực so với thông lệ quốc tế như các chuẩn mực về nông nghiệp, về thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản, về nhóm công cụ tài chính phái sinh, về giá trị hợp lý, về tổn thất tài sản,…. dẫn đến khi các doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch kinh tế thuộc nhóm các chuẩn mực này thì chưa có cơ sở pháp lý để thực hiện hạch toán kế toán dẫn đến khó khăn cho công tác kế toán của doanh nghiệp.

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình cải cách hành chính và thể chế một cách mạnh mẽ, hoạt động đầu tư nước ngoài ngày càng trở nên sôi động, nhu cầu các doanh nghiệp Việt Nam niêm yết hoặc thu hút vốn trên thị trường nước ngoài ngày càng gia tăng. Đặc biệt thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư, tổ chức nước ngoài đến tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu quản lý của nền kinh tế trong giai đoạn mới, cần phải đẩy nhanh việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới cũng như công cuộc cải cách ở Việt Nam.

**III. SỰ CẦN THIẾT VÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Đề án này khi được triển khai sẽ mang lại các lợi ích trên nhiều khía cạnh, cụ thể như sau:

*1. Đối với nền kinh tế nói chung*

- *Thiết lập được hệ thống công cụ quản lý hữu hiệu đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế của nhà nước trong thời kỳ hội nhập, phục vụ quá trình cải cách kinh tế:*

+ Trong bối cảnh kế toán được xem như là một ngôn ngữ kinh doanh toàn cầu thì việc cho phép áp dụng IFRS sẽ giúp các cơ quan quản lý nhà nước, chủ sở hữu, nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài có công cụ để đánh giá và so sánh thông tin tài chính giữa các đơn vị theo cùng một ngôn ngữ, chuẩn mực chung để đưa ra các quyết định kinh tế một cách phù hợp.

+ Qua khảo sát tại một số tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng cho thấy một số đơn vị thậm chí còn không được phép đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam do hạn mức tín nhiệm của Việt Nam chưa đạt mức AA và BCTC chưa được lập theo chuẩn quốc tế. Vì vậy, việc cho phép áp dụng IFRS tại Việt Nam sẽ là yếu tố góp phần để cộng đồng quốc tế sớm công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ, từ đó khơi thông dòng vốn FDI, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc bảo vệ các nhà đầu tư và tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

*- Góp phần đảm bảo điều kiện để các tổ chức quốc tế nâng hạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam:*

Trong giai đoạn vừa qua, với sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đang có những bước tăng trưởng vượt bậc. Tuy nhiên, theo đánh giá của các định chế tài chính quốc tế và giới chuyên môn, sự khác biệt giữa VAS và IFRS hiện nay còn tương đối lớn, làm giảm niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Việc chưa ban hành một số chuẩn mực quan trọng như công cụ tài chính, tổn thất tài sản, nông nghiệp… dẫn đến các doanh nghiệp chưa có căn cứ pháp lý để ghi nhận một số giao dịch hoặc Việt Nam là quốc gia có tỷ trọng nông nghiệp chiếm phần lớn nhưng lại chưa có chuẩn mực kế toán cho lĩnh vực nông nghiệp... Vì vậy, nếu áp dụng CMKT, những hạn chế hiện nay sẽ được giải quyết một cách căn bản, giúp cho thông tin tài chính của doanh nghiệp niêm yết được trình bày đầy đủ, trung thực và minh bạch hơn, là yếu tố quan trọng để các tổ chức quốc tế sớm xem xét, đánh giá nâng hạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

*- Thông tin về tài chính và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp sẽ được cải thiện*

+ Chuẩn mực kế toán hướng đến việc trình bày thông tin tài chính một cách thận trọng, đề cao sự ổn định và an toàn tài chính lên trên mục tiêu lợi nhuận. Với cách tiếp cận trên, chuẩn mực kế toán yêu cầu các doanh nghiệp phải ghi nhận ngay các khoản tổn thất do suy giảm giá trị tài sản, do biến động về giá trị hợp lý, do giá trị thuần có thể thực hiện được hoặc giá trị có thể thu hồi của tài sản thấp hơn giá trị ghi sổ… Vì vậy, việc hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán sẽ giúp bộc lộ những yếu kém về tài chính của doanh nghiệp, hạn chế tính trạng lãi giả - lỗ thật, góp phần vào việc phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí;

+ Chuẩn mực kế toán hướng đến việc cung cấp thông tin sát với diễn biến của thị trường, từ đó giúp cho việc đưa ra các dự báo trong tương lai đạt hiệu quả cao hơn do cơ sở dữ liệu về tài chính của các doanh nghiệp được cập nhật một cách thường xuyên, liên tục.

*- Tăng cường ổn định cho ngân sách Nhà nước*

Mặc dù có sự khác biệt giữa Chuẩn mực kế toán và chính sách thuế nhưng BCTC vẫn luôn là một trong những căn cứ quan trọng để xác định thu nhập chịu thuế. Khi chất lượng BCTC của doanh nghiệp được cải thiện, thông tin trở nên minh bạch và trung thực hơn thì việc xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước cũng trở nên tin cậy hơn, góp phần đáng kể vào việc thu đúng, thu đủ và gia tăng ngân sách Nhà nước.

*2. Đối với các doanh nghiệp*

*- Nâng cao tính trung thực, minh bạch của của BCTC, trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, cung cấp thông tin hữu ích cho lãnh đạo ra các quyết định kinh tế, quản trị, điều hành.*

Chuẩn mực kế toán không những được coi là một công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu mà còn là ngôn ngữ kinh doanh quốc tế với yêu cầu doanh nghiệp phải áp dụng nhiều mô hình tài chính để xác định giá trị tài sản và nợ phải trả theo giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi, giá trị sử dụng, giá trị thời gian, giá trị nội tại… Vì vậy, thông tin tài chính được cung cấp trên nền tảng Chuẩn mực kế toán sẽ giúp Ban Lãnh đạo/Ban quản trị doanh nghiệp có được thông tin sát hơn để phục vụ việc đánh giá tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm báo cáo cũng như dự báo kết quả hoạt động và dòng tiền trong tương lai để đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp và hiệu quả.

*- Đáp ứng nhu cầu được niêm yết trên thị trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để huy động vốn với chi phí thấp từ các định chế tài chính quốc tế như WB, IMF, ADB…*

Hiện nay, một số doanh nghiệp Việt Nam đã có nhu cầu phát hành trái phiếu trên thị trường quốc tế hoặc dự kiến niêm yết trên sàn giao dịch quốc tế (như Vingroup, HAGL, Vinamilk,…) hoặc nhận được sự tài trợ dưới hình thức vốn vay của các định chế tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) (như EVN)… Để thực hiện được điều này, theo quy định của hầu hết các nhà tài trợ quốc tế và cơ quan quản lý chứng khoán nước ngoài thì việc trình bày thông tin tài chính theo Chuẩn quốc tế là điều kiện bắt buộc, do đó việc triển khai đề án sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp có thể thu hút được các nguồn lực tài chính phù hợp với chi phí thấp hơn, đem lại hiệu quả cao hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

*- Đáp ứng đòi hỏi của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*

Nhiều doanh nghiệp FDI là công ty con của các tập đoàn xuyên quốc gia nước ngoài như SamSung, Intel, P&G, Cocacola… hiện đang phải lập BCTC theo chuẩn quốc tế để hợp nhất với BCTC của công ty mẹ trên toàn cầu. Vì vậy việc cho phép áp dụng IFRS sẽ đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp FDI giúp khơi thông mạnh mẽ dòng vốn FDI vào thị trường Việt Nam.

*3. Đối với người sử dụng BCTC*

*Đề án này được triển khai sẽ giúp tăng cường niềm tin và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, chủ nợ và công chúng.*

Do Chuẩn mực kế toán yêu cầu BCTC của các doanh nghiệp phải được trình bày cho mục đích chung một cách trung thực, hợp lý và minh bạch mà không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của Ban giám đốc hoặc Ban Lãnh đạo doanh nghiệp (khi cố tình phản ánh không trung thực tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm mục đích đi vay, đẩy giá cổ phiếu hoặc che dấu những khoản lợi nhuận để hưởng lợi về thuế). Vì vậy, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán giúp gia tăng niềm tin cho các đối tượng sử dụng BCTC của doanh nghiệp như các cổ đông, nhà đầu tư, tổ chức tín dụng, nhà cung cấp…, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước và công chúng.

Từ thực tế nêu trên, có thể thấy rằng việc áp dụng chuẩn mực kế toán theo thông lệ quốc tế vào Việt Nam là rất cần thiết và mang tính tất yếu, khách quan. Việc đưa IFRS vào áp dụng ở Việt Nam sẽ tạo bước ngoặt căn bản cho công tác tài chính, kế toán tại doanh nghiệp, mang lại lợi ích to lớn cho nền kinh tế, phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển kinh tế hiệu quả, bền vững.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, TÍNH KHẢ THI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN**

1. **Quá trình xây dựng Đề án**

Triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, ngày 23/5/2017, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 918/QĐ-BTC về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Ban soạn thảo *“Đề án áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào Việt Nam”*. Ban Chỉ đạo và Ban soạn thảo đã tổ chức xây dựng dự thảo Đề án.

Trong quá trình soạn thảo Đề án, Bộ Tài chính đã phối hợp với Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), các Hiệp hội nghề nghiệp quốc tế như Viện kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA), Hiệp hội kế toán Anh và Xứ Wales (ICAEW) tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng IFRS của một số các quốc gia trên thế giới, khảo sát nhu cầu áp dụng IFRS tại các doanh nghiệp Việt Nam, nghiên cứu sự khác biệt giữa IFRS với pháp luật của Việt Nam như Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chính sách thuế, cơ chế tài chính, đánh giá tính khả thi và tác động của việc áp dụng IFRS đối với công tác quản lý Nhà nước và các mặt của nền kinh tế. Bộ Tài chính cũng đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, thảo luận lấy ý kiến của các Bộ, ngành, doanh nghiệp, Hiệp hội nghề nghiệp, chuyên gia kế toán, kiểm toán trong và ngoài nước. Kết quả khảo sát, đánh giá tác động, đánh giá tính khả thi của Đề án tóm tắt như sau:

**1.1. Tính khả thi của Đề án**

Trong quá trình nghiên cứu, soạn thảo, Bộ Tài chính đánh giá Đề án này đảm bảo tính khả thi khi được triển khai áp dụng dựa trên những căn cứ sau đây:

***1.1.1. Nhu cầu lập báo cáo tài chính theo IFRS của các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam***

- Ngày 28, 30/5/2018, Bộ Tài chính đã tổ chức hội thảo *“IFRS- Định hướng và lộ trình áp dụng tại Việt Nam,* *Kinh nghiệm áp dụng IFRS của một số quốc gia”*.

Tham dự hội thảo có các đại biểu đến từ các công ty niêm yết, các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, các đơn vị có lợi ích công chúng khác thuộc lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, các trường đại học, các công ty dịch vụ kế toán và kiểm toán, các Hiệp hội nghề nghiệp quốc tế, các cơ quan quản lý Nhà nước. Kết quả tại hội thảo cho thấy có 190/198 ý kiến cho rằng việc áp dụng IFRS là vấn đề cấn thiết, chỉ có 8/198 ý kiến cho rằng vấn đề này chưa thật sự cấp thiết.

**-** Năm 2018, được sự trợ giúp của Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và nhà tư vấn là công ty kiểm toán KPMG, Bộ Tài chính đã tiến hành khảo sát nhu cầu áp dụng IFRS tại một số doanh nghiệp Việt Nam. Nội dung khảo sát nhằm làm rõ một số vấn đề chính như:

* Mức độ thỏa mãn nhu cầu của Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành;
* Nhu cầu về việc áp dụng IFRS tại Việt Nam;
* Lợi ích khi áp dụng IFRS tại Việt Nam;
* Thách thức và khó khăn khi áp dụng IFRS tại Việt Nam;
* Phương pháp và phạm vi áp dụng IFRS tại Việt Nam;
* Kinh nghiệm áp dụng IFRS của một số doanh nghiệp được khảo sát.

Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu áp dụng IFRS ở Việt Nam có xu hướng tăng lên, đặc biệt là ở khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) phải đáp ứng yêu cầu của công ty mẹ ở nước ngoài và các doanh nghiệp niêm yết quy mô lớn có dự định niêm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế. Các đơn vị được phỏng vấn đều đồng nhất quan điểm rằng việc lập BCTC theo IFRS sẽ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp nói riêng và cho nền kinh tế Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng nêu lên một số khó khăn trong việc triển khai áp dụng IFRS, như: Nguồn nhân lực chưa đảm bảo do chưa được đào tạo, hệ thống công nghệ thông tin cần phải được nâng cấp... Vì vậy, hầu hết các đơn vị được phỏng vấn đều cho rằng doanh nghiệp cần một khoảng thời gian tối thiểu 3 năm để chuẩn bị đào tạo nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết cho việc áp dụng IFRS. Ngoài ra, trong giai đoạn đầu tiên, Bộ Tài chính nên cho phép các doanh nghiệp áp dụng IFRS tự nguyện (chưa bắt buộc), tức là những doanh nghiệp nào có nhu cầu và có khả năng đáp ứng về nguồn lực thì được phép lập BCTC theo IFRS, báo cáo này có đầy đủ tính pháp lý được Nhà nước chấp nhận và doanh nghiệp sẽ chỉ phải lập một bộ BCTC duy nhất theo IFRS để giảm thiểu chi phí và nguồn lực. Sau một thời gian áp dụng tự nguyện, Bộ Tài chính nên tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm về việc áp dụng IFRS và mức độ sẵn sàng của các đối tượng doanh nghiệp khác đối với IFRS để đưa ra các quyết định phù hợp. Hạn chế của phương pháp này là số lượng các doanh nghiệp tự nguyện áp dụng IFRS trong giai đoạn đầu có thể sẽ không nhiều nhưng có ưu điểm là tránh được những tác động không mong muốn của việc áp dụng IFRS và mang tính khả thi.

***1.1.2. Về lợi ích của việc áp dụng IFRS***

Việc áp dụng IFRS mang lại lợi ích to lớn cho Nhà nước, nền kinh tế và các doanh nghiệp trên nhiều khía cạnh cụ thể (như đã báo cáo ở mục I), vì vậy Đề án mang tính khả thi do phù hợp với thực tiễn và tiến trình hội nhập quốc tế của nền kinh tế, phù hợp với chủ trương cải cách của Đảng, Nhà nước và đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay cũng như trong tương lai.

***1.1.3. Khả năng áp dụng IFRS của các doanh nghiệp***

IFRS phù hợp với các doanh nghiệp quy mô lớn, các đơn vị có lợi ích công chúng, Các đối tượng này đều là các doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế và nguồn nhân lực được đào tạo cơ bản. Qua khảo sát, các doanh nghiệp nói rằng nếu cho họ thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết (khoảng 3 năm) thì nguồn nhân lực và hệ thống công nghệ thông tin của họ sẽ có thể đáp ứng được yêu cầu của IFRS.

***1.1.4. Khả năng cung cấp thông tin đầu vào của thị trường***

IFRS yêu cầu các thông tin tài chính phải được cập nhật thường xuyên theo diễn biến của thị trường bằng cách áp dụng các mô hình đánh giá lại tài sản và nợ phải trả theo giá trị thị trường, giá trị có thể thu hồi... Nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng mở cửa, phát triển và hội nhập, vì vậy các thông tin từ thị trường về giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái ngày càng trở nên minh bạch và có thể kiểm chứng được, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng IFRS.

**2. Đánh giá tác động của Đề án**

Mặc dù IFRS mang lại những lợi ích to lớn cho các quốc gia đã áp dụng nhưng để quá trình triển khai và thực thi mang lại hiệu quả cao, phù hợp với đặc thù của quốc gia, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá những tác động của IFRS đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội cũng như lường trước được những khó khăn, vướng mắc có thể gặp phải để có hướng giải quyết và chuẩn bị các điều kiện cần thiết trước khi chính thức áp dụng.

***2.1. Tác động tích cực***

*2.1.1. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài*

Theo khảo sát tại các quốc gia và các doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn trong nước, việc áp dụng IFRS và sửa đổi, cập nhật VAS theo định hướng IFRS sẽ tác động rất tích cực đến việc cải thiện môi trường đầu tư, đặc biệt thu hút mạnh mẽ các nguồn lực quốc tế trên các khía cạnh:

- IFRS sẽ được quốc tế thừa nhận và lấy được lòng tin của cộng đồng các nhà đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện để niêm yết trên thị trường quốc tế hoặc nhận được các khoản vay ưu đãi từ các định chế tài chính quốc tế như WB, IMF, ADB…

- Các doanh nghiệp FDI là công ty con của các tập đoàn xuyên quốc gia sẽ không còn phải mất thêm chi phí để chuyển đổi BCTC được lập từ VAS sang IFRS. Theo Hội đồng kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN, việc được phép áp dụng IFRS sẽ tạo ra một làn sóng FDI mới đổ vào Việt Nam do giúp doanh nghiệp tiết giảm chi phí, giảm được rủi ro đáng kể và tạo dựng môi trường kinh doanh ổn định;

- Việc các đơn vị có lợi ích công chúng áp dụng IFRS cũng giúp khơi thông dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) do thỏa mãn được đòi hỏi của các nhà đầu tư quốc tế thông qua các quỹ đầu tư, quỹ tín thác…

*2.1.2. Tác động đến thị trường tài chính, là một trong những yếu tố đề nâng hạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam*

Trong giai đoạn vừa qua, với sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đang có những bước tăng trưởng vượt bậc. Việc đưa IFRS vào áp dụng sẽ giúp cho thông tin tài chính của doanh nghiệp niêm yết đầy đủ, trung thực và minh bạch hơn, là yếu tố quan trọng để các tổ chức quốc tế sớm xem xét, đánh giá nâng hạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

*2.1.3. Tác động đến doanh nghiệp*

*a. Tác động đến công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp*

IFRS không những được coi là một công cụ quản lý hữu hiệu mà còn được coi là ngôn ngữ kinh doanh quốc tế. Vì vậy, việc áp dụng IFRS sẽ giúp Ban giám đốc có được những thông tin phục vụ tốt hơn cho việc dự báo kết quả hoạt động và dòng tiền trong tương lai, từ đó có căn cứ và công cụ để thực hiện công tác quản trị, điều hành phù hợp hơn với tình hình thực tiễn.

*b. Nâng cao tính minh bạch của báo cáo tài chính và hạn chế rủi ro cho các nhà đầu tư:*

Việc áp dụng IFRS giúp nâng cao tính minh bạch của BCTC do yêu cầu doanh nghiệp giải trình chi tiết về những rủi ro mà doanh nghiệp có thể gặp phải như rủi ro kinh doanh, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, lãi suất, tỷ giá, chính sách… nên việc áp dụng IFRS sẽ giúp tăng cường bảo vệ quyền lợi của công chúng khi quyết định đầu tư vào doanh nghiệp do được cung cấp nhiều thông tin tài chính hữu ích hơn.

*c. Tăng cường khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp:*

Nếu doanh nghiệp Việt Nam lập và trình bày BCTC theo IFRS thì khả năng so sánh, đánh giá hiệu quả kinh doanh giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp khác trong khu vực và thế giới sẽ được cải thiện do cùng áp dụng chung một hệ thống Chuẩn mực kế toán.

*2.1.4. Tác động đến Cơ chế quản lý, giám sát và hoạch định chính sách của cơ quan Nhà nước*

- Việt Nam là quốc gia đi sau nên có lợi thế là được học tập kinh nghiệm của các nước đi trước để đi tắt, đón đầu. Vì vậy, các cơ quan quản lý Nhà nước cần hoạch định chính sách theo hướng ưu tiên phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng vẫn mang tính khả thi tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng thông lệ quốc tế, lựa chọn các mô hình phù hợp nhất cho quốc gia;

- IFRS yêu cầu thông tin được công bố phải tập trung phản ánh được diễn biến của thị trường tại thời điểm báo cáo thông qua việc đánh giá lại giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi của tài sản và nợ phải trả… chứ không phải chỉ là các thông tin quá khứ tại thời điểm phát sinh giao dịch (giá gốc). Vì vậy cơ quan Nhà nước phải tiếp cận thông tin dựa trên việc đánh giá lại tài sản và nợ phải trả tại thời điểm báo cáo theo các mô hình định giá tin cậy chứ không phải chỉ căn cứ vào hóa đơn tại thời điểm phát sinh giao dịch. Cách tiếp cận mới này làm thay đổi căn bản tư duy, phương pháp đánh giá, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền đối với tình hình hoạt động của các doanh nghiệp;

- Như đã phân tích ở trên, BCTC được lập và trình bày không chỉ phục vụ cơ quan thuế mà còn cho mục đích chung nên cần tôn trọng các nguyên tắc kế toán chung chứ không thể chỉ áp dụng các quy định về việc quản lý điều hành ngân sách vào việc lập và trình bày BCTC;

- Kế toán phản ánh các giao dịch theo bản chất hơn là tên gọi hay hình thức pháp lý của chúng. Vì vậy, việc các cơ quan Nhà nước áp dụng một cách máy móc từ ngữ trong các văn bản khi thực hiện kiểm tra, giám sát là không phù hợp, đặc biệt trong một số trường hợp việc sử dụng các ước tính và xét đoán để phản ánh các giao dịch thường dẫn đến sự tranh cãi hoặc không thống nhất giữa doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước. Do đó, cần trang bị cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác thanh tra, giám sát tại doanh nghiệp các kỹ năng như nhận diện giao dịch kinh tế, lựa chọn chính sách áp dụng và phân tích, đánh giá một cách toàn diện hơn.

*2.1.5. Tác động đến NSNN*

Do việc lập và trình bày BCTC theo IFRS được tiếp cận trên quan điểm thận trọng nên kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có thể tạm thời bị suy giảm trong ngắn hạn, làm giảm lợi nhuận kế toán của doanh nghiệp nên số lợi nhuận sau thuế còn lại của khối doanh nghiệp nhà nước phải nộp có thể bị ảnh hưởng, gây áp lực đối với NSNN.

Tuy nhiên, về dài hạn xét trên bình diện chung, khi chất lượng BCTC của doanh nghiệp được cải thiện, thông tin trở nên minh bạch và trung thực hơn thì việc xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước cũng trở nên tin cậy hơn, góp phần đáng kể vào việc thu đúng, thu đủ và gia tăng ngân sách Nhà nước.

***2.2. Khó khăn, thách thức khi áp dụng IFRS***

 *2.2.1. Thông tin thị trường*

 Do IFRS hướng đến việc trình bày tài sản và nợ phải trả của doanh nghiệp theo giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo nên để làm được điều này đòi hỏi thị trường phải tương đối phát triển mới có thể cung cấp được các thông tin một cách đáng tin cậy. Thị trường Việt Nam hiện nay mới cung cấp được một số thông tin cơ bản, như giá cổ phiếu niêm yết, giá giao dịch các mặt hàng nhiên liệu, nông sản... Tuy nhiên một số thông tin khác, như giá trị đất đai, tài nguyên còn có sự khác biệt lớn giữa giá công bố của Nhà nước và giá giao dịch thực tế. Ngoài ra, để đánh giá khả năng thu hồi nợ và định giá doanh nghiệp còn cần các thông tin khác như độ tín nhiệm của doanh nghiệp, thị phần…. nên việc áp dụng IFRS đối với một nền kinh tế đang chuyển đổi như Việt Nam có thể gặp một số khó khăn nhất định trong ngắn hạn.

*2.2.2. Về đạo đức nghề nghiệp và tâm lý không muốn công khai về sức khỏe tài chính của một số doanh nghiệp*

 Một trong những lợi ích to lớn nhất của IFRS là tăng cường tính minh bạch của BCTC. Tuy nhiên ý thức tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp ở một số doanh nghiệp là chưa cao, tâm lí không muốn công khai tình hình tài chính hoặc cố tình che dấu những yếu kém sẽ là lực cản đối với quá trình tiếp cận với thông lệ quốc tế.

 *2.2.3. Đội ngũ nhân lực chưa được đào tạo sâu về IFRS*

Nhìn chung, nhân lực kế toán tại Việt Nam chưa được đào tạo chuyên sâu về IFRS, số lượng các chuyên gia và người làm công tác kế toán, kiểm toán có am hiểu, kinh nghiệm và kỹ năng lập BCTC theo IFRS còn ít, vì vậy, cần nhanh chóng đào tạo nguồn nhân lực ở tất cả các cấp độ để đáp ứng yêu cầu của IFRS. Để giải quyết khó khăn này, các doanh nghiệp phải chủ động đào tạo cho cán bộ kế toán của mình, các trường đại học phải triển khai giảng dạy IFRS, các hiệp hội nghề nghiệp và các công ty kiểm toán cần hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp.

*2.2.4. Sự khác biệt giữa cơ chế, chính sách tài chính trong nước và IFRS*

Một số cơ chế, chính sách tài chính của Việt Nam hiện có sự khác biệt lớn với IFRS, vì vậy nếu không kịp thời điều chỉnh cơ chế, chính sách, đặc biệt là đối với doanh nghiệp Nhà nước thì sẽ gây ra khó khăn do sự không nhất quán trong cách thức tiếp cận, làm doanh nghiệp gặp lúng túng khi áp dụng pháp luật. Để giải quyết vấn đề này, Bộ Tài chính đang nghiên cứu để hoàn thiện chính sách để đảm bảo tính thống nhất hoặc giảm thiểu sự khác biệt giữa IFRS với cơ chế tài chính trong nước.

*2.2.5. Tác động đến chi phí đầu tư ban đầu của doanh nghiệp*

Khi áp dụng IFRS, các doanh nghiệp sẽ phát sinh một số chi phí đầu tư ban đầu phục vụ cho việc đào tạo lại nguồn nhân lực cũng như thay đổi hệ thống thông tin, phần mềm kế toán. Mặc dù các chi phí đầu tư ban đầu là tương đối lớn nhưng xét về lâu dài thì những lợi ích từ việc minh bạch hóa thông tin, thu hút nhà đầu tư không những sẽ mang lại lợi ích nhiều hơn các chi phí ban đầu mà còn giúp doanh nghiệp phát triển ổn định, bền vững.

**V. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN**

Căn cứ vào cơ sở pháp lý và thực tiễn được đánh giá qua các hoạt động hội thảo, khảo sát, Bộ Tài chính đã xây dựng Đề án với các nội dung cụ thể sau đây:

**1. Về mục tiêu của Đề án**

***1.1. Mục tiêu tổng quát***

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tài chính, kế toán; tạo dựng công cụ quản lý hiệu lực, hiệu quả cho công tác quản trị, điều hành tại doanh nghiệp cũng như việc quản lý, giám sát của cơ quan chức năng Nhà nước trong giai đoạn mới, góp phần thực hiện thành công trong các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đẩt nước.

 Thúc đẩy sự hội nhập của nền kinh tế với khu vực và thế giới, góp phần nâng cao tính minh bạch của các thông tin tài chính hữu ích, nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, bảo vệ môi trường kinh doanh, nhà đầu tư, góp phần tạo điều kiện để Việt Nam được công nhận là nền kinh tế thị trường đầy đủ, nâng hạng thị trường chứng khoán, thu hút dòng vốn FDI.

***1.2. Mục tiêu cụ thể***

Xây dựng phương án, lộ trình, cách thức tổ chức thực hiện để áp dụng IFRS tại Việt Nam cho từng nhóm đối tượng cụ thể, phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm mục đích nâng cao tính minh bạch, trung thực của BCTC, nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với người sử dụng BCTC.

 Ban hành mới hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam theo nguyên tắc tiếp thu tối đa những quy định phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam và nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

**2. Yêu cầu của Đề án và lí do lựa chọn phương án áp dụng IFRS**

***2.1. Yêu cầu chung***

**-** Đối tượng, cách thức, lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam phải đảm bảo rõ ràng, khả thi, phù hợp với quy định của Luật kế toán;

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam khi được ban hành lại phải nâng cao tính minh bạch, trung thực, phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc điểm nền kinh tế và trình độ quản lý của Việt Nam;

- Việc áp dụng IFRS hay VAS phải đáp ứng được yêu cầu và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan như: Doanh nghiệp, các nhà đầu tư, cơ quan quản lý và giám sát thị trường chứng khoán,…

***2.2. Yêu cầu cụ thể của Đề án***

- Đề án phải đưa ra rõ lộ trình (thời điểm) áp dụng IFRS phù hợp với trình độ, khả năng sẵn sàng và ảnh hưởng của từng nhóm đối tượng đến công chúng theo từng giai đoạn;

- Đề án phải bao quát được nhiều nhóm đối tượng thuộc nhiều thành phần kinh tế trong cả nước, như doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, thành phần kinh tế Nhà nước (doanh nghiệp Nhà nước), thành phần kinh tế tư nhân (công ty niêm yết, doanh nghiệp đại chúng...);

- Đề án phải hạn chế được các ảnh hưởng không mong muốn (nếu có) từ việc áp dụng IFRS đến ngân sách Nhà nước, đảm bảo tính khả thi trong công tác quản lí, giám sát của cơ quan Nhà nước;

- Đề án phải đưa ra các giải pháp có tính thực tiễn, tổ chức thực hiện đảm bảo khoa học, có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các Bộ, ngành, và các đơn vị có liên quan để việc triển khai đạt hiệu quả, hiệu lực cao.

***2.3. Lí do lựa chọn phương án áp dụng IFRS***

a. Về đối tượng áp dụng IFRS

Do IFRS là những Chuẩn mực BCTC tương đối phức tạp, chỉ phù hợp với các doanh nghiệp lớn hoặc doanh nghiệp có đủ nguồn lực và có nhu cầu lập BCTC theo IFRS nên để đảm bảo tính khả thi của Đề án, đối tượng áp dụng được hướng vào:

* Các doanh nghiệp quy mô lớn, như công ty mẹ của các tập đoàn kinh tế nhà nước,
* Các công ty niêm yết hoặc doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn;
* Các doanh nghiệp FDI là công ty con của tập đoàn xuyên quốc gia;
* Các doanh nghiệp khác có nhu cầu và đủ nguồn lực để áp dụng.

b. Về việc chia lộ trình áp dụng IFRS thành 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 từ 2022 đến 2025; Giai đoạn 2 từ sau 2025.

Do việc áp dụng IFRS là một công việc mới mẻ, ngoài những lợi ích to lớn mà IFRS mang lại cho nền kinh tế, doanh nghiệp và công chúng thì cũng còn nhiều khó khăn, thách thức. Vì vậy, cách tiếp cận của Việt Nam là thận trọng, áp dụng từng bước để tránh những tác động không mong muốn (nếu có). Ngoài ra, để đảm bảo tính khả thi và doanh nghiệp có đủ thời gian chuẩn bị các nguồn lực, xây dựng lại hệ thống quản trị, thông tin thì việc áp dụng IFRS cần chia thành 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 từ năm 2022 đến 2025 sẽ hướng đến việc cho phép doanh nghiệp tự nguyện áp dụng. Theo đó những doanh nghiệp lớn đã có nền tảng và đủ điều kiện về nguồn lực sẽ áp dụng IFRS trước để rút kinh nghiệm chung cho các doanh nghiệp khác.

- Giai đoạn 2 sau năm 2025, trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả của giai đoạn 1 sẽ mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng theo hướng vừa có đối tượng bắt buộc, vừa có đối tượng tự nguyện áp dụng IFRS.

Tiếp cận theo hướng này sẽ đảm bảo phù hợp với đặc điểm và trình độ quản lý của các doanh nghiệp tại Việt Nam cũng như yêu cầu quản lý, giám sát của cơ quan Nhà nước. Như vậy, từ năm 2019 đến năm 2021 là thời gian để Bộ Tài chính chuẩn bị các điều kiện cần thiết hỗ trợ doanh nghiệp khi triển khai áp dụng IFRS trong thực tế.

c. Về việc lựa chọn phạm vi áp dụng trên BCTC hợp nhất và BCTC riêng

Hiện nay sự khác biệt giữa IFRS với chính sách thuế, cơ chế tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp trong nước còn lớn, đặc biệt là khối doanh nghiệp Nhà nước chịu sự điều chỉnh bởi một số cơ chế, chính sách đặc thù ở tầm Luật, Nghị định trong khi không thể sửa đổi tất cả các cơ chế, chính sách trong nước ngay lập tức. Vì vậy, để không xung đột với cơ chế, chính sách trong nước, IFRS cần được áp dụng cho BCTC hợp nhất của công ty mẹ, là báo cáo không sử dụng để tính thuế nên không chịu sự tác động của chính sách thuế đồng thời cũng không phải là báo cáo chịu sự điều chỉnh của cơ chế tài chính trong nước.

Tuy nhiên, nếu chỉ áp dụng IFRS cho báo cáo hợp nhất của công ty mẹ thì nhóm đối tượng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) sẽ không được tham gia vào Đề án này vì các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam không có BCTC hợp nhất do đều là các công ty con (có công ty mẹ ở nước ngoài) hoặc doanh nghiệp độc lập không có công ty mẹ. Trong bối cảnh nhu cầu áp dụng IFRS của các doanh nghiệp FDI là rất rõ ràng do nhiều doanh nghiệp đang chịu sức ép từ công ty mẹ ở nước ngoài phải áp dụng IFRS thì việc loại khối FDI khỏi Đề án là không phù hợp với thực tiễn. Mặt khác, nếu không thí điểm áp dụng IFRS trên BCTC riêng thì sẽ không thể tổng kết, đánh giá tác động và tình hình triển khai trên thực tiễn. Vì vậy để bao quát được tất cả các thành phần kinh tế, bao gồm cả các doanh nghiệp FDI cần cho phép áp dụng IFRS trên BCTC riêng.

Để đảm bảo đạt được cả 2 mục tiêu là không gây xung đột giữa cơ chế, chính sách trong nước với IFRS, loại trừ các ảnh hưởng không mong muốn (nếu có) với NSNN những vẫn bao quát được đầy đủ các thành phần kinh tế, phương án áp dụng được xây dựng theo hướng làm rõ đối tượng được áp dụng cho BCTC riêng và đối tượng được áp dụng cho BCTC hợp nhất theo từng giai đoạn cụ thể phù hợp với thực tiễn Việt Nam:

- Trong giai đoạn 1 việc áp dụng IFRS mang tính tự nguyện, hướng đến BCTC hợp nhất của công ty mẹ thuộc thành phần kinh tế trong nước để hạn chế ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS đến số thu của NSNN. Như vậy đối tượng áp dụng IFRS cho BCTC hợp nhất chủ yếu bao gồm các công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước, công ty niêm yết, doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn.

Các doanh nghiệp FDI do không chịu ảnh hưởng của một số cơ chế, chính sách đặc thù cho doanh nghiệp Nhà nước nên có thể cho phép áp dụng IFRS ngay đối với BCTC riêng miễn là giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan thuế về nghĩa vụ với NSNN.

- Trong giai đoạn 2, khi đã tổng kết, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm của giai đoạn 1 cần mở rộng đối tượng áp dụng IFRS cho báo cáo hợp nhất, theo đó quy định rõ đối tượng bắt buộc và đối tượng tự nguyện.

Ngoài ra, để bám sát thực tiễn, nhu cầu quản lý, giám sát của cơ quan Nhà nước và điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau năm 2025, Bộ Tài chính sẽ cân nhắc thời điểm cho phép áp dụng rộng rãi IFRS trên BCTC riêng của các doanh nghiệp trong nước (chứ không chỉ là khối doanh nghiệp FDI như giai đoạn 1) nhưng đảm bảo không tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đến Ngân sách Nhà nước.

**3. Phương án áp dụng IFRS tại Việt Nam**

***3.1. Đối tượng áp dụng***

Đối tượng áp dụng IFRS được xác định phù hợp với lộ trình được công bố, bao gồm tất cả các doanh nghiệp có nhu cầu và đủ khả năng áp dụng IFRS (trừ doanh nghiệp đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa, nhỏ và Chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ).

***3.2. Lộ trình áp dụng***

Từ năm 2019 đến hết năm 2021, Bộ Tài chính chuẩn bị các điều kiện cần thiết triển khai thực hiện Đề án để đảm bảo hỗ trợ các doanh nghiệp bắt đầu áp dụng IFRS từ năm 2022, như: công bố bản dịch IFRS ra tiếng Việt, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng các hướng dẫn áp dụng IFRS….

*3.2.1. Giai đoạn 1: Từ năm 2022 đến 2025:*

a. Đối với BCTC hợp nhất:

Một số doanh nghiệp từ nhóm các doanh nghiệp sau có nhu cầu và đủ nguồn lực tự nguyện hoặc do Bộ Tài chính lựa chọn thực hiện áp dụng IFRS để lập BCTC hợp nhất:

- Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước quy mô lớn có các khoản vay được tài trợ bởi các định chế tài chính quốc tế;

- Công ty niêm yết;

- Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết;

- Các công ty mẹ khác có nhu cầu và nguồn lực tự nguyện áp dụng IFRS.

b. Đối với BCTC riêng:

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có nhu cầu và đủ nguồn lực tự nguyện áp dụng IFRS để lập BCTC riêng:

Khi áp dụng IFRS doanh nghiệp phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan thuế, cơ quan quản lý, giám sát về việc xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

c. Doanh nghiệp tự nguyện hoặc được lựa chọn áp dụng IFRS để lập BCTC hợp nhất hoặc BCTC riêng sẽ được miễn lập BCTC theo VAS.

*3.2.2. Giai đoạn 2: Từ sau năm 2025*

a. Đối với BCTC hợp nhất:

- Doanh nghiệp bắt buộc lập BCTC hợp nhất theo IFRS, gồm:

+ Tất cả các công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước;

+ Tất cả các công ty niêm yết;

+ Các công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết;

- Các công ty mẹ khác không thuộc đối tượng bắt buộc nêu trên được khuyến khích tự nguyện áp dụng IFRS cho BCTC hợp nhất.

- Trên cơ sở đánh giá kết quả áp dụng IFRS của giai đoạn 1, Bộ Tài chính căn cứ nhu cầu, khả năng sẵn sàng của các doanh nghiệp và tình hình thực tế để quy định thời điểm và lộ trình bắt buộc áp dụng IFRS cho từng nhóm đối tượng cụ thể, đảm bảo tính hiệu quả và khả thi.

b. Đối với BCTC riêng

- Các doanh nghiệp có nhu cầu và đủ nguồn lực tự nguyện hoặc được Bộ Tài chính lựa chọn áp dụng IFRS để lập BCTC riêng:

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có nhu cầu, đủ nguồn lực để áp dụng IFRS.

+ Các doanh nghiệp khác có nhu cầu, đủ nguồn lực để áp dụng IFRS.

- Khi áp dụng IFRS doanh nghiệp phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan thuế, cơ quan quản lý, giám sát về việc xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

c. Đối tượng bắt buộc hoặc tự nguyện lập BCTC hợp nhất hoặc BCTC riêng theo IFRS sẽ được miễn lập BCTC hợp nhất theo VAS.

*3.2.3. Phạm vi và cách thức áp dụng IFRS*

- Doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng IFRS phải áp dụng tất cả các IFRS đã có hiệu lực theo quy định của Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế tại cùng một thời điểm;

- Các đơn vị chỉ phải lập duy nhất một bộ BCTC để công bố tại Việt Nam. Các đơn vị thuộc đối tượng (bắt buộc hoặc tự nguyện) lập BCTC (riêng hoặc hợp nhất) theo IFRS thì được miễn lập BCTC theo VAS.

- Khi Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế có sự sửa đổi, bổ sung các IFRS thì Việt Nam sẽ áp dụng chậm nhất là sau 3 năm kể từ thời điểm các sửa đổi, bổ sung IFRS có hiệu lực.

**4. Phương án áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)**

***4.1. Đối tượng áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam***

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế hoạt động tại Việt Nam (trừ các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ) không thuộc đối tượng áp dụng IFRS đều thuộc đối tượng áp dụng VAS.

***4.2. Lộ trình ban hành mới và nguyên tắc nguyên tắc xây dựng VAS:***

- Bộ Tài chính ban hành mới hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng bổ sung và thay thế hệ thống 26 chuẩn mực kế toán doanh nghiệp hiện hành phù hợp với IFRS, yêu cầu quản lý, điều hành của Việt Nam và nhu cầu của doanh nghiệp;

- Bộ Tài chính xây dựng lộ trình và tổ chức nghiên cứu và ban hành hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam theo nguyên tắc tiếp thu tối đa những quy định của IFRS, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện;

- Bộ Tài chính thường xuyên rà soát lại VAS, cập nhật những thay đổi của IFRS để đảm bảo VAS phù hợp ở mức độ cao nhất với thông lệ quốc tế.

**5. Giải pháp thực hiện Đề án**

***5.1. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính, kế toán***

a) Bộ Tài chính công bố hệ thống chuẩn mực BCTC của Việt Nam trên cơ sở IFRS, các nội dung áp dụng và nội dung chưa áp dụng theo IFRS.

b) Bộ Tài chính ban hành các thông tư và các văn bản khác hướng dẫn cụ thể áp dụng IFRS theo lộ trình phù hợp, đảm bảo quy định rõ nội dung, quy trình và hướng dẫn thực hiện cho các đơn vị liên quan.

c) Bộ Tài chính nghiên cứu, rà soát các VAS, cập nhật ban hành lại các VAS hiện hành và ban hành mới các VAS còn thiếu. VAS cần được soạn thảo theo hướng tiệm cận gần nhất với IFRS.

d) Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan rà soát, ban hành lại hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành lại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính, theo hướng giảm thiểu sự khác biệt giữa các văn bản, xác định và phân biệt rõ phạm vi áp dụng của chuẩn mực kế toán, chính sách thuế và cơ chế tài chính, tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật của doanh nghiệp cũng như nâng cao chất lượng thông tin trên BCTC để cung cấp ra công chúng.

đ) Bộ Tài chính ban hành các văn bản và tổ chức hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ pháp luật về kế toán, các chuẩn mực kế toán.

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện cho các đơn vị áp dụng IFRS và các đơn vị liên quan.

### *5.2. Hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp áp dụng IFRS*

 - Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ ngành liên quan nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp có nhu cầu và đủ nguồn lực tự nguyện áp dụng IFRS;

- Tăng cường đối thoại với các doanh nghiệp để động viên, khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang áp dụng IFRS;

- Bộ Tài chính thực hiện các hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để giúp doanh nghiệp nhanh chóng chuyển đổi sang áp dụng IFRS;

- Thực hiện khảo sát nhu cầu, khả năng sẵn sàng của doanh nghiệp để có những điều chỉnh về đối tượng, lộ trình và phương án áp dụng IFRS phù hợp với tình hình thực tiễn của từng giai đoạn.

***5.3. Đào tạo nguồn nhân lực***

- Bộ Tài chính phối hợp với các bên liên quan triển khai công tác đào tạo IFRS cho thành viên Ủy ban soạn thảo chuẩn mực kế toán Việt Nam, trợ giúp các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo trong quá trình áp dụng Chuẩn mực kế toán;

 - Các trường đại học, cơ sở đào tạo, các hội nghề nghiệp, công ty kiểm toán nắm bắt rõ lộ trình áp dụng Chuẩn mực kế toán để xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của xã hội;

- Các doanh nghiệp chủ động đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán theo nhu cầu áp dụng Chuẩn mực kế toán của doanh nghiệp.

***5.4. Tăng cường sự phối hợp giữa các Cơ quan Nhà nước, các Hội nghề nghiệp, các Tổ chức trong nước và quốc tế***

- Bộ Tài chính và các Bộ, ngành khác có liên quan chủ động phối hợp trong việc nghiên cứu, triển khai, hướng dẫn áp dụng IFRS; Cử cán bộ có chuyên môn phù hợp tham gia soạn thảo hoặc thẩm định Chuẩn mực kế toán, đặc biệt là việc thẩm định các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho các ngành, lĩnh vực đặc thù như ngân hàng, bảo hiểm, nông nghiệp, khai khoáng…; Tham gia khảo sát, đánh giá tác động của Chuẩn mực kế toán đối với ngành và lĩnh vực mình phụ trách.

- Bộ Tài chính tăng cường phối hợp với các hội nghề nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế, tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ về kỹ thuật, về kinh nghiệm của các chuyên gia trong việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực và các công việc khác có lien quan đến việc triển khai thực hiện Đề án.

***5.5. Tuyên truyền về lộ trình, phương án áp dụng IFRS***

- Trong quá trình thực hiện Đề án, Bộ Tài chính tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các doanh nghiệp, nhà đầu tư, các cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan…. nắm được lộ trình, cách thức triển khai áp dụng VAS và IFRS, giúp các đối tượng có liên quan chủ động trong công tác chuẩn bị áp dụng Chuẩn mực kế toán;

- Tuyên truyền, giải thích cho các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức và định chế tài chính quốc tế về chủ trương cải cách thể chế, định hướng của Chính phủ, tiến tới công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tài trợ vốn, nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

**6. Về tổ chức thực hiện Đề án**

Về việc tổ chức thực hiện, Đề án đã phân công rõ nhiệm vụ, với thời hạn thực hiện cụ thể cho các đơn vị liên quan bao gồm Bộ Tài chính, các Bộ, ngành và địa phương, các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp áp dụng chuẩn mực và cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán, các hội nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán.

**7. Về kinh phí thực hiện Đề án**

Đây nội dung rất quan trọng để có cơ sở triển khai thực hiện Đề án. Vì vậy Đề án xây dựng theo hướng Bộ Tài chính bố trí nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên để chi cho các hoạt động nghiên cứu và triển khai Đề án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, kinh phí từ các nhà tài trợ trong nước và quốc tế nếu có được sử dụng cho các hoạt động có liên quan theo thỏa thuận với nhà tài trợ.

**VI. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ NGÀNH**

Trên cơ sở dự thảo Đề án đã được Ban Chỉ đạo và Ban soạn thảo xây dựng, Bộ Tài chính đã tổ chức hội thảo và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi của cộng đồng các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đồng thời gửi văn bản xin ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Hội nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, các trường đại học, các học viện và cộng đồng các doanh nghiệp.

Ý kiến tham gia của các đơn vị đã được Bộ Tài chính nghiên cứu, tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Đề án. Một số ý kiến khác, Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

.........................................................................................................................

Trên đây là những nội dung cơ bản của Đề án áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế vào Việt Nam. Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký quyết định phê duyệt Đề án để triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để b/c);- Thứ trưởng Đỗ Hoàng Anh Tuấn;- Lưu VT, Cục QLKT. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Đỗ Hoàng Anh Tuấn** |